

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-PT

Ngày 08 - 6 - 2021

V/v “*Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng và Di chúc vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân.

Ông Lương Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “*Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng và Di chúc vô hiệu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐ - PT ngày 20/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21/2021/QĐ-PT ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H

Địa chỉ: Số nhà 014, phố T, tổ 05, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số 160, đường Đ, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H: Bà Phạm Thị T. Địa chỉ: Tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Văn phòng Công chứng H.

Địa chỉ: Số nhà 103, đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quang V - Chức vụ: Trưởng văn phòng. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T - Địa chỉ: Đường N1, Tổ 01, phường S , thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Hải U' - Địa chỉ: Số nhà 014, phố T, Tổ 05, phường S , thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị H - Địa chỉ: Số 160, đường Đ, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Hải Y - Địa chỉ: Số nhà 521, đường N, Tổ 40, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T - Địa chỉ: Số nhà 014, phố T, Tổ 05, phường S , thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thùy D - Địa chỉ: Số nhà 014, phố T, Tổ 05, phường S , thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Công Đ - Địa chỉ: Tổ 05, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

5. Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Cụ Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1930, chết ngày 10/5/2013) và vợ là cụ Lê Thị X (sinh năm 1936, chết ngày 19/5/2018) có các con là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Hải U', bà Nguyễn Hải Y. Sau khi cụ H chết, ngày 12/5/2014 cụ Lê Thị X và các con là bà T, ông H, bà U', bà Y lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nội dung: Về phần xác nhận tài sản chung của cụ H và cụ X gồm có: 2.203,4m² đất trong đó đất ở có 150m², đất nông nghiệp 2.053,4m² tại tổ 10, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BL158166 ngày 12/6/2012 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ cụ Nguyễn Mạnh H. Bà T, ông H, bà U', bà Y từ chối nhận phần di sản thừa kế và điều nhường kỷ phần thừa kế cho cụ Lê Thị X. Riêng phần chia tài sản trên đất không thỏa thuận. Ngày 11/02/2015 cụ X được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số BO 756992, diện tích đất 2.415,2m², đất HNK 2.265,2m², nguồn gốc đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất 150m², công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất 2053,4m², nhận tặng cho quyền sử dụng đất 211,8m² tại tổ 10, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Tài sản gắn liền với đất của cụ X gồm có: 01 nhà xây 02 tầng để ở và cho thuê; 01 nhà xây cấp IV làm nơi thờ cúng, 01 nhà xây cấp IV (chưa đăng ký quyền sở hữu). Sau khi cụ H chết, vợ chồng ông H về ở cùng với cụ X, vợ chồng ông có xây thêm 01 nhà cấp IV để ở; 01 nhà để xe; đồ bê tông đường đi dài khoảng 20m, rộng 2m. Đến ngày 19/5/2018 cụ Lê Thị X chết, toàn bộ di sản của

cụ X để lại vợ chồng ông H quản lý, sử dụng. Cụ X chết được 49 ngày thì Văn phòng công chứng H công bố Bản di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 với nội dung cụ X để lại toàn bộ tài sản cho con gái là bà Nguyễn Hải Y và cháu ngoại là chị Đỗ Ngọc Quỳnh T (con gái bà Nguyễn Hải Y).

Nguyên đơn cho rằng văn bản công chứng di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 vi phạm quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết: Tuyên bố Văn bản công chứng di chúc số: 1148, quyền số: 01-2018TP/CC-SCC/HNGD ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và bản di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 vô hiệu. Không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố văn bản công chứng và di chúc vô hiệu.

Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn Văn phòng công chứng H là ông Dương Quang V trình bày:

Văn phòng công chứng H căn cứ tài liệu về nhân thân, tài sản và ý nguyện của cụ Lê Thị X để soạn thảo di chúc theo ý nguyện của cụ X, khi soạn xong sẽ đưa cụ X đến Văn phòng để ký. Chiều ngày 04/5/2018 văn phòng công chứng in ấn và đến nơi cụ X đang sinh sống để làm thủ tục cho cụ X ký di chúc. Cụ X làm việc trong tình trạng sức khỏe tốt, tỉnh táo, minh mẫn, ngồi dậy được, tự đọc lại và nhận thức được, đồng ý với nội dung di chúc, đã ký và điểm chỉ vào các trang của di chúc và phiếu yêu cầu công chứng. Khi công chứng, ngoài Công chứng viên và cụ X ra còn có bà Nguyễn Hải Y, ông Bùi Văn Y và bà Nguyễn Thị H là hàng xóm với bà Y đều có mặt. Ông đọc di chúc cho cụ X nghe và đưa cho cụ X ký điểm chỉ. Do nhận thức cụ X biết chữ nên khi nghe đọc lại di chúc cụ hiểu được nội dung di chúc, tự ký và điểm chỉ vào di chúc được nên công chứng viên không cho cụ X tự đọc lại di chúc nữa và cũng không cần có người chứng kiến ký. Ký xong, công chứng viên đem di chúc về văn phòng ký và đóng dấu. Công chứng viên cho rằng cụ X lập di chúc trong trạng thái tinh thần tỉnh táo, minh mẫn, đủ sức khỏe, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép khi thực hiện ý chí để định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ khi chết để lại cho ai là người thừa kế được hưởng di sản và được hưởng bao nhiêu là quyền của người để lại di sản, hoàn toàn đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc Văn phòng công chứng H công chứng ngoài trụ sở thuộc trường hợp được pháp luật cho phép, tuy nhiên việc không sửa địa điểm công chứng trong di chúc khi thay đổi địa điểm người lập di chúc ký là do sơ xuất về thủ tục khi soạn thảo nhưng không vi phạm Điều 631 Bộ luật dân sự, không ảnh hưởng đến nội dung di chúc. Việc không đưa người làm chứng vào di chúc vì không thuộc trường hợp phải có người làm chứng theo khoản 2 Điều 636 Bộ luật dân sự. Công chứng viên có sự chứng kiến của nhiều người đã trực tiếp xác nhận việc cụ Lê Thị X ký và điểm chỉ vào di chúc, hoàn toàn khách quan, đúng với ý chí của người lập di chúc.

Về tài sản gắn liền với đất là do cụ X tự kê khai. Văn phòng công chứng không có trách nhiệm thẩm định tài sản trên đất mà chỉ công chứng di chúc dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Lê Thị X. Mặt khác, khi lập di chúc, cụ X đã không xuất trình di chúc ngày 05/8/2003 cụ Nguyễn Mạnh H

và cụ Lê Thị X đã lập di chúc cho chị Đỗ Ngọc Quỳnh T (con gái bà Y) toàn bộ nhà xây 02 tầng 70m², 2 cái nhà con và toàn bộ đất rừng; Cho chị Nguyễn Thùy D (con gái bà U) ½ đất vườn cây ăn quả và đất rừng, có xác nhận của UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai cho đến khi Tòa án cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm ông mới biết được tình tiết và nội dung của di chúc năm 2003. Đây là tình tiết phát sinh đương sự không cung cấp nên Văn phòng công chứng không biết và không mời chị Nguyễn Thùy D là người thừa kế của cụ H đến để hỏi ý kiến làm rõ. Văn phòng công chứng cũng không biết rõ tài sản trên đất là tài sản chung của cụ H chưa được định đoạt cho cụ X mà công chứng cả phần di sản của cụ H mà cụ X đã kê khai vào bản di chúc, khi chưa có đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được hưởng theo di chúc. Do vậy Văn phòng công chứng H cho rằng việc lập văn bản công chứng và chứng thực di chúc của cụ Lê Thị X ngày 04/5/2018 cũng có phần sai sót. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y trình bày:

Bố mẹ bà là cụ H và cụ X có tạo dựng được khối tài sản chung là khoảng 7.000m² đất ở, đã xây dựng nhà 02 tầng chưa đăng ký quyền sở hữu tại địa chỉ: Tổ 10, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai nhưng mới đăng ký quyền sử dụng đất 2.415,2m². Năm 1999 bà đã xây thêm 02 phòng độc lập gắn liền với đất để cho khách thuê, tiền thuê thiết kế, thợ xây dựng ở Sa Pa bà Y xây dựng hết 80.000.000đ. Khi cụ X ra ở với vợ chồng bà Y thì ông Nguyễn Mạnh H tự lên ở nhà của bố mẹ bà Y và có xây dựng lên thêm 02 bức tường và làm khoảng 10m đường, ông H tự xây dựng không hỏi ý kiến ai. Trước ngày 04/5/2018 khoảng một tuần cụ X có đưa các tài liệu về nhân thân và tài sản nhờ anh Bùi Văn Y đang công tác tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tìm hộ văn phòng công chứng để cụ X nhờ lập di chúc theo di nguyện của cụ X. Văn phòng công chứng H do ông Dương Quang V, công chứng viên lập di chúc theo ý nguyện của cụ X. Cụ X lập di chúc trong trạng thái tinh thần tỉnh táo, minh mẫn, đủ sức khỏe, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép khi thực hiện ý chí để định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ và có mặt công chứng viên cùng 02 người làm chứng là ông Y và bà Hậu bà cũng được chứng kiến lúc lập di chúc. Vì không để ý nên đến khi Tòa án giải quyết, phân tích hình thức và nội dung di chúc bà mới biết cụ X đã định đoạt cả tài sản trên đất là tài sản chung của bố bà là cụ H cho bà khi chưa có sự phân chia định đoạt của các đồng thừa kế của cụ H. Tuy nhiên, di chúc là ý nguyện của mẹ bà, do vậy bà cho rằng bản di chúc này là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về quyền tự định đoạt tài sản của người để lại di sản. Ông H cho rằng thời điểm lập di chúc và công chứng viên thực hiện việc công chứng cụ X ốm yếu, đi lại khó khăn, không đọc được thuộc trường hợp bị hạn chế về thể chất và không đọc được di chúc là không có căn cứ. Vì vậy bà Y đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật, không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố văn bản công chứng và di chúc vô hiệu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thùy D trình bày:

Ngày 05/8/2003 chị được ông bà ngoại là cụ Nguyễn Mạnh H và cụ Lê Thị X lập di chúc cho tặng: ½ diện tích vườn cây ăn quả và vườn rừng. Trong khối tài sản chung của ông bà tạo dựng gồm 01 nhà xây 02 tầng, 01 nhà xây cấp 4 làm nơi thờ cúng; 01 nhà xây cấp 4 (chưa đăng ký quyền sở hữu) diện tích đất là 920m² đã được cấp GCNQSDĐ số 01233 ngày 15/6/1990 mang tên ông Nguyễn Mạnh H.

Sau khi cụ Nguyễn Mạnh H chết, ngày 12/5/2014 cụ Lê Thị X và các con của cụ là bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Hải U', Nguyễn Hải Y làm văn bản chia di sản thừa kế. Tại văn bản này bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Hải U', bà Nguyễn Hải Y từ chối nhận tài sản thừa kế và nhường phần thừa kế của mình cho cụ Lê Thị X, chị và chị Đỗ Ngọc Quỳnh T là người được thừa kế tài sản của cụ H theo di chúc đã lập ngày 05/8/2003 thì không được thông báo nên chị không biết gì về việc này.

Ngày 11/2/2015 cụ Lê Thị X đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số BO 756992.

Ngày 08/8/2017 cụ Lê Thị X đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện S tách diện tích theo GCNQSDĐ ngày 11/02/2015 thành 02 thửa, diện tích mỗi thửa là 1.132,6m², mục đích là để tặng cho quyền sử dụng đất. Chị không đồng ý nên ngày 18/9/2017 chị đề nghị dừng việc tặng cho đất của cụ X vì cho rằng năm 2015 bà U' là mẹ của chị tặng cho cụ Lê Thị X diện tích 211,8m² đất mà không được sự đồng ý của chị, chị và chị Đỗ Ngọc Quỳnh T đã được ông bà ngoại là cụ H và cụ X 2003 lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho chị và chị T.

Ngày 04/5/2018 cụ Lê Thị X quyết định di chúc tài sản cho con và cháu, bằng văn bản công chứng số: 1148 quyền số 01-2018TPCC-HNGD ngày 04/5/2018 và bản di chúc ngày 04/5/2018 tại Văn phòng công chứng H thừa kế cho cháu Đỗ Ngọc Quỳnh T 40% tài sản và 60% đất ở và đất HNK cho bà Nguyễn Hải Y. Ông Nguyễn Mạnh H đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên bố văn bản công chứng di chúc số: 1148, quyền số: 01-2018TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và bản di chúc của bà Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 là vô hiệu" thì chị cũng nhất trí. Chị xin rút yêu cầu chia thừa kế, nếu có tranh chấp về chia thừa kế chị sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và không yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế của ông Hải trong vụ án này.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Ngọc Quỳnh T trình bày:

Ngày 05/8/2003 chị được ông bà ngoại là cụ Nguyễn Mạnh H và cụ Lê Thị X lập di chúc cho tặng toàn bộ nhà ở và ½ diện tích vườn cây ăn quả và vườn rừng.

Ngày 04/5/2018 cụ Lê Thị X lại lập văn bản công chứng số: 1148 quyền số 01-2018TPCC-HNGD ngày 04/5/2018 và bản di chúc ngày 04/5/2018 tại Văn phòng công chứng H thừa kế lại cho cháu Đỗ Ngọc Quỳnh T 40% tài sản và 60% đất ở, đất HNK cho bà Nguyễn Hải Y.

Việc quyết định di chúc như vậy là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị và những người thừa kế khác nên đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản công chứng số:1148, quyền số: 01-2018TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và bản di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 là vô hiệu. Nếu có tranh chấp về chia thừa kế chị sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà đã nhận được thông báo của tòa án về việc đưa bà tham gia tố tụng nhưng xét thấy bản di chúc của cụ X không để lại tài sản gì cho bà nên bà cũng khước từ toàn bộ quyền lợi trong vụ án này và không có ý kiến đề nghị gì. Bà có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H trình bày:

Bà không liên quan đến di sản là quyền sử dụng đất của cụ H, cụ X để lại. Bà H đề nghị tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt gửi tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải U' trình bày:

Bà đã nhận được thông báo của tòa án về việc đưa bà tham gia tố tụng. Bà U' xét thấy bản di chúc của cụ X lập ngày 04/5/2018 là không đúng pháp luật vì ngày 05/8/2003 bố mẹ bà là cụ Nguyễn Mạnh H và cụ Lê Thị X đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho hai cháu là Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thùy D. Và ủy quyền cho bà giữ di chúc, trong giấy ủy quyền có nội dung sau khi cụ H và cụ X mất, đến khi các cháu trưởng thành, giữ được tài sản bà có trách nhiệm giao lại tài sản cho các cháu. Nhưng do em bà bị bệnh nên khi các phiên tòa giải quyết trước bà đã không có ý kiến gì. Khi nhận được Quyết định giám đốc thẩm số 32/2019/HN-DS ngày 11/9/2019 của Tòa án cấp cao tại Hà Nội và được Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục đưa vào tham gia tố tụng bà thấy rằng hiện nay cháu T và cháu D đã trưởng thành bà sẽ làm đúng theo di nguyện trong di chúc của bố mẹ bà. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng và di chúc số 1148 quyền số 01-2018TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H là vô hiệu. Mọi vấn đề về yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa bà với bà Nguyễn Thị X bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; Điều 147; Khoản 2 điều 244; Khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122; Điều 123; Điều 129; Điều 631; Điều 634; khoản 2 Điều 636 Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H: Tuyên bố văn bản công chứng di chúc số 1148, quyền số: 01-2018 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia thừa kế của chị Nguyễn Thùy D.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/02/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu TAND tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và tuyên bố Văn bản công chứng Di chúc số 1148, quyền số 01-2018/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và Di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y giữ nguyên nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Hải Y có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn, nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét tính hợp pháp của Văn bản công chứng số 1148, quyền số 01-2018/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 và bản di chúc của cụ Nguyễn Thị X lập ngày 04/5/2018.

Theo trình bày của công chứng viên thì trước khi cụ X ký di chúc khoảng một tuần (BL 42) thì ông Bùi Văn Y có cầm hồ sơ do của cụ X nhờ Văn phòng công chứng soạn thảo nội dung di chúc theo ý nguyện của cụ X. Văn phòng công chứng đã soạn thảo di chúc theo trình bày của ông Y, sau khi soạn thảo xong thì ngày 04/5/2018 công chứng viên đưa bản di chúc đến nơi cụ X cư trú và đọc cho bà X nghe. Tại Giấy xác nhận của ông Bùi Văn Y (BL 163) thể hiện nội dung di chúc là ông Y nghe cụ X dặn rồi ông Y yêu cầu phòng công chứng soạn thảo nội

dung di chúc theo đúng ý nguyện của cụ X do ông Y trình bày, ông V là Công chứng viên cũng xác nhận nội dung này.

Tại Điều 41 Luật công chứng 2014 quy định:

“Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng:

1. Người yêu cầu công chứng nộp một bộ hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này và nêu nội dung, ý định giao kết hợp đồng, giao dịch.

2. Công chứng viên thực hiện các việc quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 40 của Luật này”

Như vậy, cụ X đã không tự nộp hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này cho Văn phòng công chứng H và không trực tiếp nêu nội dung, ý định giao kết hợp đồng, giao dịch nên đã vi phạm vào khoản 1, 2 Điều 41 Luật công chứng.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật công chứng 2014 quy định về việc công chứng di chúc như sau: *“Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc, không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc”*. Như vậy, người yêu cầu công chứng là cụ X đã không trực tiếp yêu cầu công chứng mà ủy quyền cho ông Y thực hiện yêu cầu Văn phòng công chứng H công chứng là vi phạm khoản 1 Điều 56 Luật công chứng 2014.

Tại thời điểm cụ X lập di chúc thì cụ X trên 80 tuổi, bị ung thư phổi giai đoạn cuối điều trị tại nhà chị Y trong trạng thái đang yếu, mệt theo lời trình bày của ông Dương Quang V là công chứng viên (BL 42) nhưng văn bản công chứng lại ghi địa điểm xác lập văn bản công chứng là trụ sở Văn phòng công chứng H, bà Y cũng xác nhận địa điểm bà X lập di chúc là Văn phòng công chứng H (BL 33). Tuy nhiên công chứng viên xác định địa điểm bà X ký và điểm chỉ bản di chúc là nhà bà Y, và bà Y cũng thay đổi ý kiến xác nhận là bà X ký văn bản công chứng tại nhà bà Y. Vì vậy, việc công chứng viên và bà Y xác định bà X tại thời điểm ký văn bản công chứng là hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn nghe công chứng viên đọc lại và xác nhận công chứng viên ghi đúng nội dung ý nguyện và ký tên là không khách quan.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Công chứng viên ông Dương Quang V thừa nhận hồ sơ yêu cầu công chứng do ông Bùi Văn Y cung cấp không đầy đủ nên Văn phòng công chứng không biết nội dung của di chúc năm 2003 và đã không mời chị Nguyễn Thùy D là người thừa kế của cụ H đến để hỏi ý kiến làm rõ. Văn phòng công chứng cũng không biết rõ tài sản trên đất là tài sản chung của cụ H và cụ X chưa được định đoạt nên đã công chứng cả phần di sản của cụ H mà cụ X đã kê khai vào bản di chúc. Do vậy, Văn phòng công chứng H cũng thừa nhận việc lập di chúc của cụ Lê Thị X và văn bản công chứng ngày 04/5/2018 cũng có phần sai sót.

Tại đơn kháng cáo bà Y cũng xác định: *“Mặc dù cụ Lê Thị X đã định đoạt tài sản trên đất là tài sản chung của cụ H và cụ X cho tôi chưa được sự phân chia*

định đoạt của các đồng thừa kế của cụ H và địa điểm lập di chúc không đúng như văn bản công chứng và không đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thùy D, cháu Đỗ Ngọc Quỳnh T là người được hưởng thừa kế theo di chúc ngày 05/8/2003 đến để hỏi ý kiến của các cháu”. Như vậy, bà Nguyễn Hải Y cũng thừa nhận nội dung của di chúc của cụ X ngày 04/5/2018 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và chị D.

Toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Mạnh H và cụ Lê Thị X đã được hai cụ lập di chúc ngày 05/8/2003 định đoạt cho chị Đỗ Ngọc Quỳnh T (con gái bà Y) và chị Nguyễn Thùy D (con gái bà U). Năm 2013 cụ H chết và không có văn bản thay đổi ý chí về thừa kế tài sản cho chị T và chị D. Vì vậy sau khi cụ H chết các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H lập văn bản phân chia di sản (Đất) của cụ H và giao cho cụ X được sở hữu toàn bộ di sản của cụ H là trái pháp luật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và chị D. Việc bà X căn cứ vào văn bản này để xác lập quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản và lập bản di chúc đối với toàn bộ tài sản là trái pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Hải U, chị Nguyễn Thùy D, chị Đỗ Ngọc Quỳnh T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc của cụ X và văn bản công chứng lập ngày 04/5/2018 vô hiệu là có căn cứ pháp luật.

Tập hợp các căn cứ trên đã đủ căn cứ khẳng định Văn bản công chứng số 1148, quyển số 01-2018/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 và bản di chúc của cụ Nguyễn Thị X lập ngày 04/5/2018 vô hiệu cả về hình thức và nội dung nên không phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày di chúc được lập và công chứng.

[3] Xét bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố văn bản công chứng di chúc số 1148, quyển số: 01-2018 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 vô hiệu là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Hải Y: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y không đưa ra được chứng cứ mới nào để có thể làm thay đổi căn bản nội dung vụ án. Do vậy kháng cáo của bà Y không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm về quyết định đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết chia thừa kế của chị Nguyễn Thùy D, về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải Y. Giữ nguyên Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; Điều 147; khoản 2 điều 244; Khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122; Điều 123; Điều 129; Điều 631; Điều 634; khoản 2 Điều 636 Bộ luật dân sự. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H: Tuyên bố văn bản công chứng di chúc số 1148, quyền số: 01-2018 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 04/5/2018 của Văn phòng công chứng H và di chúc của cụ Lê Thị X lập ngày 04/5/2018 vô hiệu.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm về quyết định đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết chia thừa kế của chị Nguyễn Thùy D, về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Hải Y phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Y đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0008904 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án thành phố L, được khấu trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS TP.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa